**Phân tích Đây thôn Vĩ Dạ - Mẫu 15**

Hàn Mặc Tử là hồn thơ đau thương nhưng là một nhà thơ có sức sáng tạo mạnh mẽ nhất trong phong trào thơ mới. Ông để lại cho văn học Việt Nam nhiều tác phẩm có giá trị như: “Gái quê”, “Thơ điên”, “Chơi giữa mùa trăng”… Đặc sắc và gây xúc động nhất là bài “Đây thôn Vĩ Dạ” được trích trong tập “Thơ điên”. Bài thơ là bức tranh tuyệt đẹp về miền quê đất nước và là tiếng lòng của một con người tha thiết yêu đời, yêu người:

*“Sao anh không về chơi thôn Vĩ ?*

*….*

*Ai biết tình ai có đậm đà”*

“Đây thôn Vĩ Dạ” rút trong tập “Thơ điên” xuất bản năm 1940. Theo thi sĩ Quách Tấn – bạn thơ của Hàn Mặc Tử thì bài thơ được gợi cảm hứng từ tấm bưu ảnh do cô gái Huế có tên Hoàng Cúc gửi tặng. Đó là tấm bưu thiếp vẽ cảnh Huế với dòng sông, con đò, bến trăng hay một buổi bình minh. Khi ấy Hàn Mặc Tử đang điều trị bệnh phong tại Quy Nhơn. Nhận được tấm bưu ảnh cùng những lời thăm hỏi của cô gái xứ Huế, ông đã xúc động viết bài thơ này.

Bài thơ mở đầu bằng một hoài niệm mênh mang về cảnh và người thôn Vĩ. Bức tranh thơ đẹp còn tình người thì tha thiết nhớ mong:

*Sao anh không về chơi thôn Vĩ*

*Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên*

*Vườn ai mướt quá xanh như ngọc*

*Lá trúc che ngang mặt chữ điền*

Có lẽ, với bất cứ ai khi đọc bài thơ này, cũng đều bị cuốn hút ngay từ câu thơ đầu với những băn khoăn, vừa như hờn dỗi, như trách yêu. Câu hỏi ấy chính là sự phân thân của nhà thơ, sự hóa thân của nhà thơ vào cô gái Huế. Chỉ một câu thôi, câu hỏi nhưng lại chan chứa yêu thương. Tại sao lâu rồi anh không về chơi thôn Vĩ bên bờ sông Hương thơ mộng, có người con gái anh thương? Nhà thơ sử dụng từ “chơi” mà không sử dụng từ “thăm”.

Nếu sử dụng từ “thăm” thì cấu trúc câu thơ không thay đổi nhưng nó trở nên khách sáo, từ “chơi” gợi nên sự thân mật, gần gũi thắm thiết, thân tình. Trong câu thơ, nhà thơ đã hé lộ cho người đọc tình cảm của mình đối với cô gái Huế, xem cô gái Huế là một người thân thương hay chính cô gái ấy xem nhà thơ như bạn tâm giao, tri kỷ.

Mặt khác, sắc thái tu từ trong câu thơ đầu còn là lời tự hỏi, tự trách mình: sao cảnh Huế đẹp vậy mà mình không trở về ? Đó là một câu hỏi đớn đau, khắc khoải vì trở về Huế là điều không thể bởi nhà thơ đang ở giai đoạn cuối của cơn bạo bệnh. Nhưng cũng chính câu hỏi tu từ ấy là nguyên cớ để khơi dậy khao khát, hoài niệm. Vì không thể trở về nên nhà thơ đã làm một cuộc hành hương trong tâm tưởng. Ba câu thơ tiếp theo là hình ảnh thôn Vĩ hiện lên qua cái nhìn tha thiết:

*Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên*

*Vườn ai mướt quá xanh như ngọc*

*Lá trúc che ngang mặt chữ điền*

Cảnh sắc thôn Vĩ được chiêm ngưỡng từ xa đến gần. Từ xa nhà thơ đã nhìn thấy “nắng hàng cau nắng mới lên”. Câu thơ với điệp từ “nắng” và cách ngắt nhịp 4/3 gợi ra trong mắt người đọc một không gian tràn đầy ánh sáng. Cảnh hiện lên rõ nét sống động, đầu tiên là vẻ đẹp của “nắng hàng cau”. Cau là loài cây cao nên đón ánh nắng đầu tiên của ngày mới.

Không gian thôn Vĩ vì thế như được đẩy lên cao, thoáng đãng, khoáng đạt. Đặc biệt sau một đêm tắm gội dưới làn sương, những tàu cau trở nên xanh biếc hơn dưới ánh mặt trời. Cụm từ “nắng mới lên” cho ta thấy đó là ánh nắng của buổi ban mai thật rực rỡ, trong sáng. Câu thơ vẽ nên một hàng cau đầy sức sống đang vươn lên mãnh liệt đón ánh nắng đầu tiên của buổi sớm.

Ánh nắng mới mẻ, tinh khôi như làm sáng bừng lên không gian khoáng đạt, rộng lớn. Nhớ đến thôn Vĩ, nhà thơ nhớ ngay đến hình ảnh hàng cau đầu tiên. Bởi lẽ hàng cau là hình ảnh quá đỗi thân thuộc với mỗi người dân thôn Vĩ. Hình ảnh tưởng chừng như đơn sơ, bình dị ấy lại có sức gợi hình, gợi cảm lớn và có ý nghĩa sâu sắc trong trái tim nhà thơ.

Nhắc đến cau còn là nhắc đến loại cây rất thân thuộc với làng quê Việt Nam, nơi có phong tục ăn trầu từ ngàn đời nay. Nguyễn Bính – một nhà thơ cảnh quê, hồn quê cũng đã đặt mối tình bình dị của đôi trai gái thôn quê trên cái nền phong cảnh có hình ảnh thân cau quen thuộc ấy:

*“Nhà anh có một hàng cau*

*Nhà em có một giàn trầu”*

Trong bài thơ “Hoa Lư” nhà thơ Trần Đăng Khoa đã viết:

*“Đường cỏ lơ mơ nắng*

*Mái tranh chìm chơi vơi*

*Vài tán cau mộc mạc*

*Thả hồn quê lên trời”*

Ở khoảng cách gần, thôn Vĩ hiện lên bởi vẻ đẹp của khu vườn tràn đầy nhựa sống “Vườn ai mướt quá xanh như ngọc”. “Một câu thơ hay là một câu thơ giàu sức gợi” (Lưu Trọng Lư). Quả đúng như vậy, câu thơ đã gợi ra một khoảng không gian xanh của thiên nhiên Vĩ Dạ, cái màu xanh mượt mà, mỡ màng của hàng cây khiến cho người đọc cảm nhận được một sức sống tràn trề, mơn mởn.

Tác giả dùng màu xanh như ngọc để diễn tả sức sống, vẻ đẹp của thiên nhiên thôn Vĩ, một màu sắc cao quý, lấp lánh và trong trẻo. Nếu không có một tình yêu nồng nàn đối với đất và người Vĩ Dạ, có lẽ thi sĩ họ Hàn không thể gieo được những vần thơ trong trẻo đến như vậy.

“Vườn ai”? không xách định nhưng ngầm hiểu đó là khu vườn cô gái Huế. “Mướt” là một tính từ khác với “mượt” bởi “mượt” chỉ gợi lên mịn màng mà “mướt” thì gợi sự sáng lên, tươi mới của cảnh vật. Xuân Diệu viết:

*“Đổ trời xanh ngọc qua muôn lá*

*Thu đến nơi nơi động tiếng huyền”*

Thủ pháp nghệ thuật so sánh “xanh như ngọc”. Xanh ngọc tức là xanh trong, màu xanh đi liền với ánh sáng nhưng không chói chang mà lại rất dịu, người đọc có thể hình dung vẻ đẹp của viên ngọc đính giữa bầu trời xứ Huế. Câu thơ với “vườn ai mướt quá” như một lời trầm trồ, thán phục, ngợi ca cũng như lời thầm cảm ơn chủ nhân của khu vườn đã dày công chăm bẵm cho khu vườn thêm đẹp.

Và cảnh vật thôn Vĩ càng đẹp hơn trước bởi sự xuất hiện hình bóng con người “Lá trúc che ngang mặt chữ điền”. Vĩ Dạ nổi tiếng với màu xanh của trúc – một loài cây họ tre được trồng trước ngõ. Trong tâm tưởng thi nhân bất chợt hiện về khuôn mặt chữ điền lấp ló sau hàng trúc.

Lá trúc thì mảnh mai, mặt chữ điền gợi sự vuông vắn, phúc hậu. Tất cả tạo nên vẻ đẹp hài hòa giữa con người và cảnh vật đồng thời qua đó người đọc nhìn thấy không chỉ vẻ đẹp phúc hậu của người con gái Huế mà còn là vẻ đẹp của sự kín đáo, duyên dáng, e ấp rất thiếu nữ, rất Huế. Cũng viết về thôn Vĩ, nhà thơ Bích Khê viết:

*“Vĩ Dạ thôn, Vĩ Dạ thôn*

*Biếc che cần trúc không buồn mà say”*

Viết về trúc, Hàn Mặc Tử không chỉ là “Lá trúc che ngang mặt chữ điền” mà còn là:

*“Thầm thỉ hỡi ai ngồi dưới trúc*

*Nghe ra ý vị và thơ ngây”*

Thiên nhiên và con người có sự gắn bó, hòa quyện hấp dẫn tạo xúc động mạnh trong lòng nhà thơ. Nhà thơ đã ghi lại linh hồn của tạo vật với những gì đặc sắc, lắng đọng trong ký ức hoài niệm, trong nỗi niềm nhớ thương. Bằng việc miêu tả vẻ đẹp thôn Vĩ, Hàn Mặc Tử đã thể hiện tình cảm gắn bó sâu nặng thiết tha đằm thắm đối với cảnh và người xứ Huế. Tất cả ẩn chứa một sự nuối tiếc, một niềm khát khao trở về thôn Vĩ yêu thương.

Nếu như ở khổ thơ thứ nhất nhà thơ nhìn cảnh vật bằng niềm lạc quan yêu đời thì sang khổ thứ hai, tâm trạng thi nhân dần có sự đổi khác, đó chính là lúc mặc cảm chia lìa hiện ra rõ nét dưới từng câu chữ:

*Gió theo lối gió, mây đường mây*

*Dòng nước buồn thiu hoa bắp lay*

*Thuyền ai đậu bến sông trăng đó*

*Có chở trăng về kịp tối nay*

Sông Hương, núi Ngự hiện lên với vẻ đẹp đặc trưng của xứ Huế, dòng sông Hương luôn chảy lững lờ, chậm rãi – đó là “điệu Slow tình cảm dành riêng cho Huế” (Hoàng Phủ Ngọc Tường). Hai bên bờ sông là những vườn bắp với những bông hoa nhẹ nhàng lay động. Thế mà trong đôi mắt Hàn Mặc Tử thì cảnh vật hiện lên chia lìa “Dòng nước buồn thiu hoa bắp lay. Phép nhân hoá làm dòng sông như chở nặng nỗi sầu thương chất ngất của nhà thơ.

Đó là lúc tâm cảnh đã nhuốm vào ngoại cảnh. Nỗi buồn của thi nhân dường như phủ khắp cảnh vật: gió, mây, dòng sông, hoa bắp… Gió và mây là hai sự vật luôn sánh đôi với nhau như thuyền và nước nhưng trong thơ Hàn Mặc Tử thì gió mây chia lìa. Gió đóng khung trong gió, mây đóng khung trong mây “Gió theo lối gió, mây đường mây”. Nhìn xuống dòng sông, thi nhân thấy dòng sông trở nên “buồn thiu”, còn hoa bắp chỉ khẽ “lay” – một cử động rất nhỏ tạo cho bức tranh nỗi buồn hiu hắt vắng lặng. Chữ “lay” ấy như từ trong ca dao bay về đậu vào thơ Hàn Mặc Tử :

*Ai về Giồng Dứa qua truông*

*Gió lay bông sậy bỏ buồn cho em*

Không gian sông nước xứ Huế nhuốm màu sắc hư ảo. Nỗi buồn phủ khắp cảnh vật từ gió mây đến dòng nước và hoa bắp bên sông. Buồn đến não ruột, buồn đến mềm lòng. Gió và mây vốn gắn kết cũng đã có sự chia lìa đôi ngả, dòng sông mang đầy tâm trạng chảy về niềm tâm tưởng. Đằng sau những cảnh vật ấy là tâm trạng của một con người mang nặng một nỗi buồn xa cách, một mối tình vô vọng, đơn phương. Ths Phan Danh Hiếu

Hai câu thơ tiếp theo, thi nhân đưa người đọc vào cõi mộng. Vẫn là dòng sông Hương, là Huế thơ mộng nhưng không còn nắng, còn xanh của Vĩ Dạ mà trước mắt người đọc là không gian ngập đầy ánh trăng, con thuyền trở thành thuyền trăng, dòng sông thì sông trăng, bến thì thành bến trăng.

Từ xưa đến nay, có thuyền trăng, bến trăng nhưng nay lại có sáng tạo sông trăng độc đáo của hồn thơ Hàn Mặc Tử. Đọc câu thơ, người đọc có cảm tưởng như đang trôi vào cõi mộng, dường như đang sống trong khắc khoải hoài mong của thi nhân. Đây không phải lần đầu Hàn Mặc Tử viết về trăng mà trong thế giới thơ ca của Hàn Mặc Tử, trăng là một người bạn, một người tình không thể thiếu trong đời sống tâm hồn thi nhân:

*“Trăng nằm sóng soãi trên cành liễu*

*Đợi gió đông về để lả lơi”*

*“Không gian đắm đuối toàn trăng cả*

*Anh cũng trăng mà em cũng trăng”*

Hay:

*“Gió lùa ánh sáng vào trong bãi*

*Trăng ngập dòng sông chảy lãng lai”*

*“Ai mua trăng tôi bán trăng cho*

*Trăng nằm im trên cành liễu đợi chờ*

*Ai mua trăng tôi bán trăng cho*

*Chẳng bán tình duyên ước hẹn thề”*

Thơ Hàn Mặc Tử ít nhiều nhuộm màu sắc trường phái tượng trưng siêu thực của phương Tây vì thế nên có nhiều hình ảnh khó nắm bắt, ví như câu viết về trăng trong tác phẩm này. “Thuyền ai” phải chăng đó là con thuyền của cô gái Huế, con thuyền mà nhà thơ đang mơ ước chở trăng và phải chăng trăng chính là tình yêu mà nỗi chờ mong của Hàn Mặc Tử. “Tối nay” là tối nào, phải chăng đây là giới hạn cuối cùng của cuộc đời nhà thơ – khi mà cuộc sống của nhà thơ là cuộc chạy đua với thời gian.

“Tối nay” phải chăng chính là ranh giới của sự sống và cái chết. Có phải vì thế mà câu hỏi tu từ vang lên khẩn thiết: “Có chở trăng về kịp tối nay?”. Liệu rồi con thuyền ấy có cập bến bờ trước lúc Hàn Mặc Tử trở về với cõi vĩnh hằng hay không? Từ “kịp” vì thế mà chất chứa tâm trạng hoài mong và cả tin yêu lẫn bi kịch và hoài nghi của con người. Ths Phan Danh Hiếu

“Có chở trăng về kịp tối nay?” là câu hỏi ẩn chứa một sự day dứt, mong ước và lo sợ. Một niềm hy vọng đầy khắc khoải và phấp phỏng trong tâm trạng thi nhân. Hàn Mặc Tử cảm nhận thời gian đang trôi chảy trong lúc mình bất lực. Chính vì vậy mà người đọc càng thấu hiểu hơn cái giục giã trong lời mời gọi ở câu thơ đầu, càng đồng cảm hơn với khát vọng sống mãnh liệt của nhà thơ khi cái chết đang kề cận.

Mặc dù sống trong mơ nhưng thi nhân không mất hết hy vọng mà vẫn mong ước một cách riết róng:

*“Mơ khách đường xa, khách đường xa*

*Áo em trắng quá nhìn không ra*

*Ở đây sương khói mờ nhân ảnh*

*Ai biết tình ai có đậm đà?”*

Nhịp thơ 4/3 và điệp ngữ “Khách đường xa” được lặp lại hai lần thể hiện tâm trạng khắc khoải chờ đợi và niềm khát khao đến mãnh liệt. Từ “mơ” nằm đầu câu đã thể hiện rõ tâm trạng mong chờ ấy của thi nhân. Thầy Phan Danh Hiếu. “Mơ” chứ không phải là “mong”, vì không mong được nên mơ, vì sống trong mơ có lẽ sẽ bớt đi nỗi cô đơn thì phải. “Khách đường xa” có lẽ chính là cô gái Huế, và khách đường xa xuất hiện trong màu áo trắng.

Màu trắng tượng trưng cho vẻ đẹp trong trắng tinh khôi của cô gái Huế – nhất là Hoàng Cúc từng là nữ sinh của trường Đồng Khánh. Trong sự đa nghĩa của câu thơ, màu trắng còn là sắc màu chỉ sự trong trắng của mối tình đơn phương; màu trắng ở đây vượt lên trên mức bình thường nên đã hóa thành màu của ảo ảnh và chính vì nhìn vào ảo ảnh nên hình bóng của giai nhân cứ mờ nhoè, hư ảo.

“Ở đây sương khói mờ nhân ảnh”. “Ở đây” – nơi nhà thơ dưỡng bệnh – nơi mà Hàn Mặc Tử luôn xem là lãnh cung giam lỏng mình. “Ở đây” và “ngoài kia” có xa xôi mấy đâu vậy mà một lần về thăm thôi cũng là điều không tưởng. Bởi thế câu thơ như vừa thực vừa mơ, còn kỷ niệm cứ chìm dần vào Huế – nơi đó giai nhân trong mộng đang lẫn trong màu khói sương của kỷ niệm. Hình bóng giai nhân ấy đã bao năm làm điên đảo mộng thi ca:

*“Trời hỡi làm sao cho khỏi đói*

*Gió trăng có sẵn làm sao ăn*

*Làm sao giết được người trong mộng*

*Để trả thù duyên kiếp lỡ làng”*

Câu hỏi cuối khổ thơ vang lên đầy hoài nghi, đầy khắc khoải về một mối tình vô vọng: “Ai biết tình ai có đậm đà?”. Đây là sự hoài nghi của người yêu đời tha thiết. Nhà thơ trong trạng thái bị dày vò vì khát khao tình yêu, vì trái tim đang rơi vào trống trải. Ths Phan Danh Hiếu. Câu hỏi như một tiếng kêu đau đớn, mang theo nỗi buồn vô vọng và những uẩn khúc của Hàn Mặc Tử – một tâm hồn đau thương chới với, bất lực trong mặc cảm chia lìa nhưng cũng hết lòng thiết tha với cuộc đời.

Bài thơ sử dụng một số biện pháp tu từ như: điệp từ, nhân hóa, so sánh, câu hỏi tu từ… Bằng thủ pháp nghệ thuật liên tưởng cùng với những câu hỏi tu từ xuyên suốt bài thơ, tác giả Hàn Mặc Tử đã phác họa ra trước mắt ta một khung cảnh nên thơ, đầy sức sống và ẩn trong đấy là nỗi lòng của chính nhà thơ: nỗi đau đớn trước sự cô đơn, buồn chán trần thế, đau cho số phận ngắn ngủi của mình. Thầy Phan Danh Hiếu.

Dầu vậy nhưng ông vẫn sống hết mình trong sự đau đớn của tinh thần và thể xác. Điều đó chứng tỏ ông không buông thả mình trong dòng sông số phận mà luôn cố gắng vượt lên nó để khi xa lìa cõi đời sẽ không còn gì phải hối tiếc. Trải qua bao năm tháng, cái tình của Hàn Mặc Tử vẫn còn tươi nguyên, nóng hổi và day dứt trong lòng người đọc. “Tình yêu trong ước mơ của con người đau đớn ấy có sức bay bổng kì lạ” nhưng nó cũng giản dị, trong sáng và tươi đẹp như làng quê Vĩ Dạ.

Bài thơ “Đây thôn Vĩ Dạ” là một thi phẩm nói lên mối tình đơn phương vô vọng nhưng cũng rất đỗi thiết tha yêu đời của thi nhân Hàn Mặc Tử. Nhắc đến Huế, ta không thể quên bài thơ Đây thôn Vĩ Dạ, và nhắc đến Hàn Mặc Tử ta càng không thể quên vẻ đẹp của Huế, đặc biệt là không thể quên vẻ đẹp thôn Vĩ trong thi phẩm để đời của ông. Huế đẹp, Huế thơ, xin được mượn bốn câu thơ của Thu Bồn thay cho lời kết gửi đến tình yêu xứ Huế, với thi nhân Hàn Mặc Tử:

*“Xin chào Huế một lần anh đến*

*Để ngàn lần anh nhớ trong mơ*

*Em rất thực nắng thì mờ ảo*

*Xin đừng lầm em với Cố Đô”*

-Thầy Phan Danh Hiếu-